

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 285/2024/DS-PT

Ngày: 23/5/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: + Bà Hoàng Thị Thơ

+ Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2024/TLPT-DS ngày 02/4/2024 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

1/ Ông **Nguyễn Minh Q**, sinh năm 1970;

2/ Bà **Trương Thị L**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số F, tổ C, khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Minh Q là bà Trương Thị L. Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2024.

- Bị đơn:

1/ Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1947;

2/ Bà **Lưu Thị Đ**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Lê Thụy Cẩm T**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số G ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2024 và 29/01/2024).

- *Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn:* Bà **Dương Mỹ L1** là Luật sư của Văn phòng L2 – Chi nhánh M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ.

(Có mặt bà L. Vắng chị T và Luật sư Dương Mỹ L1)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn - ông Nguyễn Minh Q và bà Trương Thị L trình bày:

Do có quan hệ họ hàng nên ông bà có cho vợ chồng ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 14/02/2022 âm lịch, ông B, bà Đ vay 100.000.000 đồng.

- Ngày 25/4/2022 âm lịch, ông B, bà Đ vay 100.000.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC.

Những lần vay tiền ông B, bà Đ đều có viết biên nhận nợ và hẹn 02 tháng sau sẽ trả lại số tiền, vàng nêu trên.

Ngoài ra, ngày 27/4/2022 âm lịch, ông bà có cho ông B, bà Đ vay số tiền 50.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận, khi đến hạn trả nợ ông bà đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng ông B, bà Đ cố tình không trả. Do đó, ông Q, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B, bà Đ trả số tiền vay 250.000.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC, yêu cầu tính lãi từ ngày 05/5/2022 đến ngày 04/7/2023 như sau: $250.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} = 70.000.000 \text{ đồng}$, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa ông Q, bà L chỉ yêu cầu ông B, bà Đ trả số tiền vay là 200.000.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC, yêu cầu tính lãi suất chậm trả $0,83\%/\text{tháng}$ tính từ ngày 24/7/2022 (26/6/2022 âm lịch) đến ngày xét xử, cụ thể như sau: $200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 30.440.000 \text{ đồng}$.

Ông Q, bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông B, bà Đ trả số tiền 50.000.000 đồng vay vào ngày 27/4/2022 âm lịch.

Bị đơn - ông Trần Văn B trình bày tại bản tự khai ngày 18/12/2023 như

sau:

Ông xác định có vay của vợ chồng ông Q, bà L 200.000.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC. Đối với số tiền 50.000.000 đồng thì ông không có vay. Ông đồng ý trả 200.000.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC cho ông Q, bà L nhưng đến khi nào bán được đất thì mới trả.

Bị đơn - bà Lưu Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 147, khoản 2 Điều 227, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Q và bà Trương Thị L về việc yêu cầu ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Q và bà Trương Thị L.

Buộc ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh Q và bà Trương Thị L số tiền 230.440.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) và 05 (Năm) chỉ vàng SJC, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí: Ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ phải chịu 13.322.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

H lại cho ông Nguyễn Minh Q và bà Trương Thị L số tiền 8.850.000đ (Tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012963 ngày 09 tháng 10 năm 2023, của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 26/01/2024, bị đơn là ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn là bà Trương Thị L trình bày: Khi cho bị đơn vay tiền có thỏa thuận lãi suất 2,5%/ tháng. Mặc dù biên nhận nợ không ghi thời hạn vay nhưng hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn vay là 02 tháng. Sau khi vay tiền, bị đơn chỉ trả lãi được 05 tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã trả là 25.000.000 đồng. Bà L đồng ý cắt trừ vào số nợ gốc và nợ lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo quy định.

- Bị đơn ủy quyền cho chị Lê Thụy Cẩm T nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến tranh luận để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: Ghi nhận việc nguyên đơn đồng ý cắt trừ số tiền lãi mà bị đơn đã trả vào số nợ gốc. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc và tiền lãi tổng cộng 205.440.000 đồng. Cho bị đơn được miễn toàn bộ án phí sơ và phúc thẩm do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Đại diện ủy quyền của bị đơn là chị Lê Thụy Cẩm T và Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn là Luật sư Dương Mỹ L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và chị L1.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Theo đơn kháng cáo đề ngày 06/01/2024, ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, bà Đ. Do vậy, ông B, bà Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 16/5/2024 bị đơn là ông B, bà Đ thừa nhận có vay của nguyên đơn 200.000.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC vào các ngày 12/02/2022 và 25/4/2022 âm lịch như nguyên đơn trình bày. Bị đơn cho rằng lãi suất nguyên đơn cho vay là 15%/tháng và số tiền bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn là 360.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không thừa nhận, mà bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên lời trình bày của bị đơn không được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà L trình bày mặc dù trong biên nhận vay tiền không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay, nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất vay là 2,5%/tháng và thời hạn vay là 02 tháng. Tuy nhiên, khi đến hạn ông Q, bà L đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông B hoàn trả số tiền, vàng nêu trên nhưng vợ chồng ông B không thực hiện. Về tiền lãi thì bà L chỉ thừa nhận vợ chồng ông B có trả tiền lãi của 05 tháng x 5.000.000 đồng/tháng, thành tiền 25.000.000 đồng. Bà L đồng ý cân trừ số tiền lãi đã nhận vào số nợ gốc và nợ lãi mà ông B, bà Đ phải trả cho ông Q, bà L theo quy định của pháp luật, cụ thể yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông B, bà Đ phải trả cho ông Q, bà L số tiền: $(200.000.000 \text{ đồng} + 30.440.000 \text{ đồng} + 05 \text{ chỉ vàng SJC} - 25.000.000 \text{ đồng}) = 205.440.000 \text{ đồng}$ và 05 chỉ vàng SJC. Xét yêu cầu của bà L là phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích như đã nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông B, bà Đ là có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Ngoài ra, vào ngày 26/01/2024 ông B và bà Đ có đơn xin được miễn toàn bộ án phí do ông bà là người cao tuổi. Xét yêu cầu của ông B, bà Đ là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông B, bà Đ; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông B, bà Đ được miễn toàn bộ án phí.

H tạm ứng án phí cho ông Q, bà L với số tiền 8.850.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 244, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về án phí.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Q và bà Trương Thị L, về việc yêu cầu ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Nguyễn Minh Q và bà Trương Thị L.

- Buộc ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh Q và bà Trương Thị L số tiền 205.440.000 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) và 05 (Năm) chỉ vàng SJC.

Kể từ ngày ông Nguyễn Minh Q và bà Trương Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/-Án phí:

Ông Trần Văn B và bà Lưu Thị Đ được miễn toàn bộ án phí.

H lại cho ông Nguyễn Minh Q và bà Trương Thị L số tiền tạm ứng án phí 8.850.000 đồng (Tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012963 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy